



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VAN GIOT
Last Middle First

Current Address: 321 Nguyễn Duy Dũng Q.10 TPHCM

Date of Birth: 11/30/47 Place of Birth: gia đình

Previous Occupation (before 1975) vd H.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/28/78 To 05/06/80
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

7430 HCM
48/425

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ X.N.C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T7

Số: ...705.../XC

GIẤY BẢO TIN

Kính gửi: ...Ông... Lê Văn Giát

Hiện ở: ...Số 1... Nguyễn Duy Tường... F4... Q.10... T/P. Hồ Chí Minh

1/ Chúng tôi đồng ý cho ...Ông... cùng ...03... người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ.

2/ Về việc cấp hộ chiếu: chúng tôi đã cấp ...02... hộ chiếu cho gia đình, số:

.....
.....46264 / 90DC1
.....46266 / 90DC1
.....

..... (quả bom theo)

3/ Chúng tôi đã lên danh sách số ...H.12... chuyển Bộ Ngoại giao để chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiếp xúc phỏng vấn và xét nhập cảnh.

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn tiếp xúc và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ.

Xin thông báo để ...Ông... yên tâm ./.

Hà Nội, ngày 28. tháng 7. / 1990.

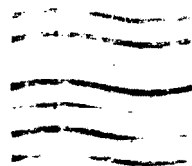
TRƯỞNG PHÒNG X.N.C



Nguyễn Thị Hương



From : Lê Văn Giọt
321 Nguyễn Duy Đường
F4. Q 10. TP. HCM. V.N.



To : Bà KHÚC MINH THƠ
P.O. Box 5435

JAN 07 1991 ARLINGTON. VA 22205-0635

BỘ GIÁO - DỤC

NHA KỸ-THUẬT và CHUYÊN-NGHIỆP
HỌC - VỤ

Số: 107 / TM / S₁

CHỨNG-CHỈ TẠM

Chính Chủ-khảo kỳ thi lấy Chứng-chỉ Đánh Máy Chữ

lúc ngày 15 tháng 4 năm 1970, nhận thực:

Lê Văn Giọt

sinh ngày 30 tháng 11 năm 1947 tại làng Phước Hiệp
tỉnh Gia-Định, đã trúng tuyển kỳ thi lấy CHỨNG-CHỈ
ĐÁNH MÁY-CHỮ, Hệ đồng Saigon và được xếp hạng Thứ

Saigon, ngày 30 tháng 15 năm 1970
Chính Chủ-khảo,

Người lập Chứng-chỉ:

Vũ Xuân Hành
VH

Ngô Thu Hoàng

Saigon 1.8.90.

Chính Thưa Bà.

Đã đề nghị cho xin xuất cảnh sang Thái để tại Hoa Kỳ. được CPVN chấp thuận. Để sớm được cứu xét. Tôi muốn gửi Bà giấy tờ kết hôn, nhờ Bà vui lòng liên lạc theo các thiết chế chuyên về BNG Hoa Kỳ. Phải soạn xong rồi gửi (đặt tại đơn vị địa lý ở Bangkok Thailand), rồi gửi kèm xin can thiệp cho gia đình tôi sớm về quê VN.

Thưa Bà! Hiện như tôi bị kẹt qua các tờ Thủ tục ngoại, từ tam - nước là đầu, bắt đầu mới có thể nhanh chóng.

Đến tại đây nói với Quý Hôn xuất tiền, để cho mau và kết quả tốt.

Khi sơ thì đã được quý Hôn chuyển BNG Hoa Kỳ Tháng 7/89, đến nay đã lâu. Tôi chưa nhận được kết quả.

Theo như Giấy Bảo tin của

CPVN, nếu muốn biết thời gian đóng
vào và kết giao được sẽ như thế
nào CP+K.

Khí nóng bốc lên quy tụ, ngưng
cát; vùn lũng bắt chắt sương
giáng hạ. Sông thò ra, tận tới
biết đến tận đâu, cũng như
kết quả được xét của CP Mỹ.

Thơ này nhắc lại đến với Trần Hưng
Hưng chúc Bn - Quý v. Trong khi
cũng gọi đến hươu mang đến kho
an bình và hạnh phúc.

Đặt ngang bàn rồi kéo quả tốt.

Ar¹tg,

11

le-ran-Gio t

391 Nguyễn - Duy - Dương

F4-Q10. TP HCM-NVN.

Saigon 5.8.88

Kính thưa Bà,

Tôi xin gửi lời chào trân trọng và lòng
kính nhớ Bà vui lòng
kết thư gửi giúp hồ sơ xin tôi được định
cư tại Mỹ. (Gửi bà lần - Lơ và các thư từ
khác...) Song thời xin ghi tên tôi vào danh
sách nhờ được được thả ra từ các trại
do chính phủ Mỹ lấy bà lần. Bằng Thư thường
năm 1981-1982-1983 và với thư bà đưa từ
ngày 12-10-84, 3-7-85 tôi có gửi hồ sơ đến 131
Lai Tien Giang... Bangkok Thailand, và ngày
13-9-88 tôi gửi thư hồ sơ đến O.D.P B' 127
Panjabkum Building Sathorn Tai Road Bangkok
10-20 Thailand xin được định cư tại Mỹ.
Nhưng đến nay chưa nhận được thông báo
cư trú trong O.D.P.

Kính mong Bà cảm thông giúp đỡ.
Cũng xin nhắc nhở gia đình tôi thành niên từ đó
hàng tuần Bà với kết quả tốt.

*Linh gửi Bà Chúc kính - Thưa
P.O. Box 5735 ARLINGTON
VA 22205-0635- USA

Lưu cho Bà
Thưa

Tên của Ông

321 Nguyễn Huệ - Đường 5/10 VN

Tổ khai gia đình tại ô số 321 Nguyễn Huệ -
Đường Sg 10. Thế di đang ở nhà thuê với cuộc
đang rất khổ khăn.

1. Li - Văn - Grot sinh 30-11-47 tại Gia Định
nhập CSQG ngày 1-3-66 làm việc đến ngày 30-4-78
TTC ngày 28-6-1975 đến 6-5-80, trở về tốt
nghĩa ở quan HVCSQG Thủ Đức.

Cấp bậc: Thiếu úy Trưởng cuộc CSQG Thủ
Đức - Cai Bè - Định Tường.

Chỉ huy: Thiếu tướng Nguyễn - Khắc - Bình
Đoàn lữ CSQG và Trung tá Sĩ Kiến - Miền - Chỉ
huy Trưởng CSQG Bình Tường.

Đi vô: Đường thi Lee Đường Hồng 25-9-55 tại
Vĩnh Long. Trước ngày 262 Bn Bạt Q 10. Năm
1988 về ô số 321 Nguyễn Huệ - Đường Sg 10.

3. con: Li - Trần - Đức Minh. 29-6-1984 tại Sg 3.
trước ngày 262 Bn Bạt Q 10. Nay về ô số 321
Nguyễn Huệ Đường Sg 10.

4. con: Li - Trần - Thế - Kinh: 28-6-88 tại Sg 10.
ngày 321 Nguyễn Huệ Đường Q 10. Gồm

Vô công tác có nghề may - bly vng thì
qua này có công việc làm. Xh nhân được
thư - hồ sơ này như một Bn cho tôi xin vào chức
bề biết là theo tôi. Vì có tương hợp với Thế
mà không có tin tức. (Thư là lư nhất).

NAM-PHẦN
(SUD VIỆT NAM)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
(ÉTAT DU VIÊTNAM)

Tỉnh Vĩnh Long
Quận Tam Bình
Xã Tường Lộc

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT-NAM
(STAT CIVIL VIÊTNAMIEN)

BỘN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH NĂM 1955
(Extrait du registre des actes de naissance de l'année)

XÃ Tường Lộc TỈNH Vĩnh Long NAM-PHẦN
(Village) (Province) (Sud Viêt Nam)

SỐ HIỆU 222
(Acte No)

(HỒ sơ Căn Bộ)



Tên họ đứa con nít (Nom et prénoms de l'enfant)	<u>Dương thị Lạc Phương Hồng</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	<u>Nữ</u>
Sanh ngày nào (Date de naissance)	<u>Ngày hai mươi lăm tháng chín dương lịch</u> <u>năm một ngàn chín trăm năm mươi lăm</u>
Sanh chỗ nào (Lieu de naissance)	<u>Tường Lộc</u>
Tên, họ cha (Nom et prénoms du père)	<u>Dương Văn Ba</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<u>Làm ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Tường Lộc</u>
Tên họ mẹ (Nom et prénoms de la mère)	<u>Nguyễn thị Hương</u>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	<u>Làm ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Tường Lộc</u>
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	<u>Chánh</u>

Chúng tôi
(Nous)

Quận-Trưởng quận Tam Bình
(Député Administratif)

Chứng cho hợp pháp chữ ký tên ngang đây cũng
(Certifions l'authenticité des signatures apposées ci-contre des)

Ủy Ban Hành-Chánh Xã Tường Lộc
(Conseillers communaux du village de)

Tam Bình, ngày 3 tháng 6 năm 1969

Quận-Trưởng
(Député Administratif)

Sao lục như trong bộ
(Four extrait conforme)

Tường Lộc, ngày 28 tháng 5 năm 1969
, le

CHỦ TỊCH KIỂM HỘ TỊCH



Lệ phí
(Cout)

Biên lai số
(Quittance No)

TRÍCH-LỤC ÁN PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

PHI/5

Sở Thẩm SÀI GÒN

Ngày 14 tháng 5 năm 1965

Toà Sở Thẩm SÀI GÒN xử về việc
Hộ (trong phiên nhóm công khai
ngày 14 tháng 5 năm 1965)
gồm có các ông:

Số II44/NĐA

Ấn thế-vì khai-sanh cho
LÊ VĂN GIOTChánh-Án : NGUYEN VĂN HAO
Biện-Lý : VU THIEN NHU
Lục-Sự : LE CHI MAU

đã lên bản án như sau:

BẢN ÁN

TOÀ ÁN:

Chiếu theo đơn của Lê văn Chặt
xin ấn thế-vì khai-sanh cho con

BỞI CÁC LÊ ẤY:

Chúng nhận

Lê văn Chặt và Đỗ thị Gòn nhìn
Lê văn Giot là con.Phán rằng Lê văn Giot, nam,
sinh ngày 30-II-1947
tại Phước-Hiệp - Hóc-Môn - Gia-Định
con của Lê văn Chặt và
Đỗ thị Gòn.-

Phán rằng án này thế-vì khai-sanh cho trẻ ấy

Dạy ghi đoạn phán quyết án này vào sổ khai-sanh đương-niên

Phước-Hiệp (Gia-Định)

và lược biên án này vào lễ tờ khai-sanh gần nhất ngày 30-II-1947
giữ lại lưu-trữ công-văn
nơi kể trên và Phòng Lục-Sự Toà-Án sở tại

Dạy nguyên-dơn chịu hết án phí

Án này làm, xử và tuyên vào ngày, tháng và năm đã kể trên.

Ký tên: NGUYEN VĂN HAO LE CHI MAU

Trước-bạ tại Phòng Ba (Saigon) ngày 9.7.1957

Quyền Tờ Số

Thấu:



GIÁ TIỀN	
Con niêm	20\$00
Bổng lộc	5\$00
Biên lai	0\$50
Cộng chung	25\$50

TRÍCH Y BẢN CHÁNH

SAIGON, ngày 11 tháng BA năm 1966

CHÁNH LỤC-SỰ

NGUYEN VĂN NAM

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QTTC, ban hành theo công văn số 2363 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại TÂN-HYẾP

Số 286 GRT

Số HS/LD

--	--	--	--	--	--	--	--

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 40/QĐ ngày 28 tháng 04 năm 1980

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

LÊ VĂN GIỌT

Họ, tên khai sinh

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 30 tháng 11 năm 1947

Nơi sinh GTA ĐỊNH.

Nơi đang ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt

321 Nguyễn duy Dương sài gòn 10.

Cán bộ Thiếu úy cảnh sát trưởng cuộc.

Bị bắt ngày 29 tháng 6 năm 1975 tại phạm TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, công thành năm

Đã được giảm án lần, công thành tháng

Nay về cư trú tại 321 Đường Nguyễn duy Dương quận 10 thành phố HCM.

Nhận xét qua trình cải tạo

Quản chế tại địa phương 12 tháng không được cư trú trong thành phố.

Họ, tên chữ ký
người đang cấp giấy

Ngày tháng năm 1980

Giám thị

Lưu tại đơn vị phát

Ct. LÊ VĂN GIỌT

Đã cấp T780

Đoạn 500



LÊ VĂN GIỌT

Trung tá: ĐÀO LƯƠNG.

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTC, ban
hành theo công văn số
2363 ngày 21 tháng 11
năm 1972

Trại ~~TÂN HUY~~

Số 226 GRT

Số HSLĐ

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 40/QĐ ngày 28 tháng 04 năm 1980

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh LÊ VĂN GIỚI

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 30 tháng 11 năm 1947

Nơi sinh GIA ĐỊNH.

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt

321 Nguyễn duy Dương sài gòn 10.

Can tội Thiếu uy cảnh sát trưởng cuộc.

Bị bắt ngày 29 tháng 8 năm 1975 tại pháp TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành lần

Đã được giảm án lần, cộng thành tháng

Nay về cư trú tại 321 Đường Nguyễn duy Dương quận 10 thành phố HCM.

Nhận xét quá trình cải tạo

Quản chế tại địa phương 12 tháng không được cư trú trong thành phố.

Lưu tay ngăn trở phải

Chữ LÊ VĂN GIỚI

Danh bìn T780

Lớp tại Đoàn 500

Họ, tên chữ ký
người được cấp giấy

th

Ngày 6 tháng 8 năm 1980

Giám thị



LÊ VĂN GIỚI

Trưng tá: ĐÀO LƯƠNG.

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NHẬP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : LE VAN GIOT Sex: Phái NAM
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 30-11-1947 Tại Gia Định (Củ Chi T.P. Hồ Chí Minh)
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 321 Nguyễn Duy Đường Phường 4 Quận 10 T.P. Hồ Chí Minh
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 321 Nguyễn Duy Đường Phường 4 Quận 10 T.P. Hồ Chí Minh
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Thợ may tự tại

B. Relatives To Accompany-Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>Đường Thị Lạc Phương Hồng</u>	<u>25.9.1955</u>	<u>Tân Bình</u>	<u>Nữ</u>	<u>Con gái</u>	<u>Ko</u>
2. <u>Lê Trần Đức Ninh</u>	<u>29.6.1984</u>	<u>T.P. Hồ Chí Minh</u>	<u>Nam</u>	<u>Con trai</u>	<u>Con</u>
3. <u>Lê Trần Thị Ninh</u>	<u>28.6.1988</u>	<u>T.P. Hồ Chí Minh</u>	<u>Nam</u>	<u>Con trai</u>	<u>Con</u>
4. _____	_____	_____	_____	_____	_____
5. _____	_____	_____	_____	_____	_____
6. _____	_____	_____	_____	_____	_____
7. _____	_____	_____	_____	_____	_____
8. _____	_____	_____	_____	_____	_____
9. _____	_____	_____	_____	_____	_____
10. _____	_____	_____	_____	_____	_____
11. _____	_____	_____	_____	_____	_____
12. _____	_____	_____	_____	_____	_____

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	:	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	

D. Complete Family Listing (Living/Dead) /Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

- Father
Cha : Lê Văn Chát
- Mother
Mẹ : Đỗ Thị Gọn
- Spouse
Vợ/Chồng : Dương Thị Lạc Phương Hong 1955 Tân Bình Củi Long
Ngõ 321 Nguyễn-Duy-Dũng FH. Q10 TP Hồ Chí Minh
- Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):
- Children
Con cái:
 - (1) Lê Trần Đức Minh 29.6.1984 tại Saigon
 - (2) Lê Trần Thế Ninh 28.6.1988 tại Saigon
 - (3) Ngõ 321 Nguyễn-Duy-Dũng FH. Q10
 - (4) TP Hồ Chí Minh
 - (5)
 - (6)
 - (7)
 - (8)
 - (9)
- Siblings
Anh chị em:
 - (1)
 - (2)
 - (3)
 - (4)
 - (5)
 - (6)
 - (7)
 - (8)
 - (9)

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng M.

Employee Name
Tên họ nhân-viên :

Position title
Chức-vụ :

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng :

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc :

Employee Name
Tên họ nhân-viên :

Position title
Chức-vụ :

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng :

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ:

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc :

1. Employee Name
Tên Họ nhân-viên :

Position title
Chức-vụ :

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng :

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ Đến

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc :

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: Lê Văn Giọt

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ Đến 1.3.1966 30-4-1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng: Thiếu úy CS Serial Number: 126394
thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đoàn-Vị Binh-Chung: Cảnh Sát Quốc Gia (Bộ tư lệnh CSQG)

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy: Thiếu tá Nguyễn Khắc Bình

Trung tá Đỗ Kiến Minh Trưởng
CSQG Tỉnh Khánh Hòa

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc : Ngày 30-4-1975
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ : Mr. Tukas
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Viet-Nam :
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: Date received:
Phân-thưởng hoặc giấy khen: Giấy khen Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes _____ No _____.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đồng sự có không? Có _____ Không _____.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường : _____
3. Dates: From _____ To _____
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : _____
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes _____ No _____)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có _____ Không _____)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : Lê Văn Giọt
2. Time in Reeducation: From: _____ To: _____
Thời gian học-tập Từ: 26.6.1975 Đến: 6.5.1980
3. Still in Reeducation?* Yes _____ No _____
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có _____ Không _____

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy thả trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

Kính nhờ Chanh lực Hoa Kỳ cứu xét và
chấp thuận cho tôi cùng gia đình được sang
Sหรัฐ để tại đây.

Signature
Ký tên : _____

Date
Ngày: 20.7.1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- Khai sanh 4 bản
- Hôn thú 1 bản
- Giấy ra trại 2 bản
- Bình 3 tấm

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận 10Thành phố, Tỉnh HỒ CHÍ MINH

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 91Quyển số 01

Họ và tên	<u>LÊ TRẦN ĐỨC MINH</u>		Nam, nữ <u>NAM</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>hai chín, tháng sáu, năm một chín tám tư</u> <u>(29/6/1984)</u>		
Nơi sinh	<u>Sào sanh Đức chính quận 3</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>LÊ VĂN GIỌT</u> <u>1947</u>	<u>ĐƯƠNG THỊ LẠC PHƯƠNG HỒNG</u> <u>1955</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>		
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>		
Nghề nghiệp	<u>đồng y châm cứu</u>	<u>thợ may</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>321 Nguyễn Duy Dương</u> <u>quận 10</u>	<u>362 Bà Hạt phường 7</u> <u>quận 10</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>cha khai</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 1 tháng 3 năm 1985TM/UBND quận 10 ký tên đóng dấu

ĐẠI THỦY LỆ PHẠM HIÊN

PHẠM HIÊN

Đăng ký ngày 05 tháng 7 năm 1984

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

chủ tịch

Lê Văn Thái

(đã ký)



To: Bn Kline-Mink-Tho?

P.O. Box 5435 ARLINGTON

VA 22205-0635 - USA

Xã, Thị trấn Phường 04Thị xã, Quận 10Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 130Quyển số 01

Họ và tên	<u>LÊ TRẦN THẾ MINH</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Hai tám tháng sáu năm một chín tám tám</u> <u>(28.6.1988)</u>		
Nơi sinh	<u>Nhà hộ sinh quận 10</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>LÊ VĂN GIẾT</u> <u>1947</u>	<u>DƯƠNG THỊ LẠC PHƯƠNG HỒNG</u> <u>1955</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>		
Quốc tịch	<u>Việt</u>	<u>Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Đông y sĩ</u>	<u>Thợ may</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>321 Nguyễn Duy Dương Phường 04 Quận 10</u>		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Cho khai</u>		

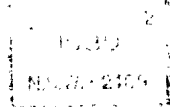
NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 18 tháng 7 năm 1988TM/UBND P.04 Q.10 Ký tên đóng dấuĐăng ký ngày 18 tháng 7 năm 1988

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

P. Chủ tịch

Bùi Văn TrọngĐinh Văn Lễ



TO MRS. KHUC MINH THU
P.O. BOX 5435 ARLINGTON
VA 22205-0635
U.S.A.

APR 24 1989

Mr. Le - v. Giot
321 Nguyễn duy Mông
Q10 Ho Chi Minh City
Vietnam

Xã, Thị trấn: _____

Thị xã, Quận: 10Thành phố, Tỉnh: HỒ CHÍ MINH

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 57Quyển số 01

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	LÊ VĂN GIỌT	ĐƯƠNG THỊ LẠC PHƯƠNG HỒNG
Sinh ngày, tháng năm hay tuổi	1947	1955
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt - Nam	
Nghề nghiệp	đồng y châm cứu	Thợ may
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	321 Nguyễn Duy Dương phường 9 quận 10	262 Bà Hạt phường 7 quận 10
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu		020378845

Người chồng ký

Người vợ ký

Đăng ký, ngày 13 tháng 10 năm 1983TM/UBND quận 10 Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

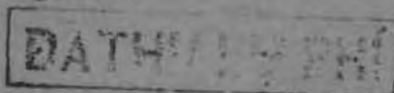
UVTK Nguyễn Văn Đức

(đã ký)

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26 tháng 2 năm 1985TM/UBND quận 10 Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)



PHẠM HIỂN

Xã, Thị trấn: _____

Thị xã, Quận: 10Thành phố, Tỉnh: Đ.Đ. Minh

BẢN SAO

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Số 9Quyển số 03/83

	VỢ	CHỒNG
HỌ VÀ TÊN Bí danh	<u>NGUYỄN THỊ LẠC PHƯƠNG HỒNG</u>	<u>LÊ VĂN CHỢT</u>
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	<u>Ngày 10/10/1955</u>	<u>1947</u>
Quê quán		
Nơi đăng ký thương trú	<u>6.2 B.10</u> <u>P.7 Q.10</u>	<u>1.1 Nguyễn Duy Dương</u> <u>P.9 Q.10</u>
Nghề nghiệp	<u>Thợ may</u>	<u>Tổng Y chính của</u>
Dân tộc	<u>KINH</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	
Số CMND hoặc hộ chiếu	<u>030578845</u>	

Đăng ký, ngày 13 tháng 10 năm 1983TM/UBND Quận 10 Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ủy viên Mặt trận
Nguyễn Văn Bó

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 31 tháng 10 năm 1983TM/UBND Quận 10 Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

KT. Chánh Văn PhòngPhó Văn PhòngLÂM VĂN BA

Xã, Thị trấn:

Thị xã, Quận: 10Thành phố, Tỉnh: Hồ Chí Minh

BẢN SAO

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Số 9Quyền số 02/03

	VỢ	CHỒNG
HỌ VÀ TÊN Bí danh	<u>NGUYỄN THỊ LẠC</u>	<u>LÊ VĂN QUÝT</u>
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	<u>ngày 12 năm 1945</u>	<u>tháng 1947</u>
Quê quán		
Nơi đăng ký thương trú	<u>Đ. 12</u>	<u>Đ. 12</u>
Nghề nghiệp	<u>Thợ may</u>	<u>Công nhân</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Việt</u>	<u>Việt</u>
Số CMND hoặc hộ chiếu	<u>030712345</u>	

Đăng ký, ngày 11 tháng 10 năm 1983TM/UBND Quận 10 Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Ủy viên Thường vụ
Nguyễn Văn Bó

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 11 tháng 10 năm 1983TM/UBND Quận 10 Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

KT. Chánh Văn Phòng
Phó Văn Phòng

LÂM VĂN BA



QUESTIONNAIRE FOR O.D.P APPLICANTS

O.D.P IV #

Date: 30.5.1989

A. Basic Identification Data:

1. name: LÊ VĂN GIỚI Sex: NAM
2. Other name: -
3. Date Place of Birth: 30.11.1967 Gia Định
4. Residence Address: 321 Nguyễn Duy Đường FH Q.10. Sg
5. Mailing Address: -
6. Current Occupation: Thợ may

B. Relatives To Accompany me:

NAME	Date of Birth	Place of Birth	Sex	MS	Relationship
1. Dương Thị Lạc Phương Hồng	25-7-1955	Kinh Long	NỮ		Vợ
2. Lê Trần Thế Ninh	29.6.1984	Sg	NAM		Con
3. Lê Trần Thế Ninh	28.6.1988	Sg	NAM		Con

C. Relatives outside Vietnam:

D. Complete Family Listing:

1. father: Lê Văn Chật
2. Mother: Hòe Thị Gion
3. Spouse: Dương Thị Lạc Phương Hồng
4. Children:
 1. Lê Trần Thế Ninh
 2. Lê Trần Thế Ninh

Service with GVN or ARVN By You or your spouse:

1. Name of Person Serving LÊ-VĂN-GIOT
2. Date From 1.3.1966 To 30-4-1975
3. Last Rank Thiếu úy Cảnh Sát Serial Number: 128.344
4. Ministry/office/military unit: Lực lượng Cảnh sát Quốc gia.
5. Name of Supervisor / c.o. Thiếu Tướng Nguyễn - Khai - Bình
Trưởng Tà' Đồn - Kiến - Mỹ.
6. Reason for Separation: Ngày 30-4-1975
7. Names of American Advisor(s) Mr. JUKAS.
8. U.S Awards or Certificates:

Name of award Giải Khuy - Date received: năm 1974.

H. Reeducation of You or your spouse:

1. Name of Person in Reeducation LÊ-VĂN-GIOT
2. Time in Reeducation From 24.6.1975 To: 6.5.1980

I. Any Additional Remarks: Kính xin Charol Phur-Hon-ky chấp thuận cho gia đình tôi được đón tiếp cư trú tại Mỹ.

Signature U Date: 30.5.1989

J. Please list Here all Documents Attached to this Questionnaire : Mẫu ODP - Giải ra tại - Hòm thư Khai Sanh H người - CMND - Hinh - Hở khai.

QUESTIONNAIRE FOR O.D.P. APPLICANTS

O.D.P. IV #

Date 30.5.1989

A. Basic Identification data:

1. Name LÊ-VĂN-GIOT Sex: Nam

2. Other name

3. Date Place of Birth 30.11.1947 Qua Binh

4. Residence Address 321 Nguyễn-Trung-Dương FH. Q10 Saigon

5. Mailing Address

6. Current Occupation

Thợ may

B. Relatives To Accompany me:

name	Date of Birth	Place of Birth	Sex	MS	relationship
------	---------------	----------------	-----	----	--------------

1. Dương Thị Lạc Phương Hồng	25.9.1955	Vĩnh Long	Nữ		Vợ
2. Lê Trần Đức Minh	29.6.1984	Sài Gòn	Nam		Con
3. Lê Trần Thế Minh	28.6.1988	Sài Gòn	Nam		Con

C. Relatives outside Vietnam:

D. Complete Family listing:

1. father Lê Văn Chát

2. Mother Đỗ Thị - Gón

3. Spouse Dương Thị Lạc Phương Hồng

4. Children

1. Lê Trần Đức Minh

2. Lê Trần Thế Minh

- Source with GVN or RVNAF By You or Your Spouse:

1. Name of Person Serving LÊ-VĂN-GIỚI
2. Date From 1.3.1966. To 30.4.1975
3. Last Rank Thiếu úy Cảnh Sát Serial Number 128394.
4. Ministry/office/military unit: Cục Cảnh Sát Quốc gia
5. Name of Supervisor/co. Trưởng Tường Nguyễn - Khai - Bình
Trung tá Sĩ Quan Quân.
6. Reason for Separation Ngày 30.4.1975
7. Names of American Advisor(s) Mr. JAKES.
8. U.S Awards or Certificates

Name of Award Giấy khen, date received: năm 1979.

II. Reducation of You or Your Spouse:

1. Name of Person in Reducation LÊ-VĂN-GIỚI
2. Time in Reducation: From 27.6.1975. To 6.5.1980.

I. Any Additional Remarks: Không đủ chuẩn theo
Hoa-Kỳ chấp thuận cho gia đình trở về nước
để tái lập.

Signature Ue Date 30.5.1989.

J. Please list here all documents attached to this
Questionnaire: Một O.D.P. Giấy ra trường, Anh thư
khai báo 4 người - cùng - Anh - Hs khác.

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

Xã, thị trấn: _____

Thị xã, quận: 10

Thành phố, tỉnh: _____

GIẤY KHAI SINH

Số 97Quyển số 01

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>Lê Văn Đức Mạnh</u>		Nam, nữ	<u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Sau chui, tháng sáu, năm một chui, tám tư</u> (29-6-1981)			
Nơi sinh	<u>Khảo mẫu Đức Linh & 3</u>			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lê Văn Giọt</u> <u>1947</u>		<u>Thống Lưu Lạc Khương</u> <u>Thống</u> <u>1955</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>		<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>		<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Lông y chính chủ</u>		<u>Bà mẹ</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>21 Nguyễn Huệ</u> <u>Quận Liên lạc</u>		<u>23 Bà Hết</u> <u>Quận 7 Quận 10</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Chưa khai</u>			

Đăng ký ngày 23 tháng 7 năm 1981

7M/QUẬN



Ký tên, đóng dấu

(Chữ rõ ràng, chức vụ)
CHU-TICHĐỗ Yên Thi

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận _____

Thành phố, Tỉnh _____

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số _____

Quyền số _____



--	--	--	--	--	--

Họ và tên	LÊ TRẦN ĐỨC MINH		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	hai chín, tháng sáu, năm một chín tám tư (25-6-1984)			
Nơi sinh	Bào sanh Đức chính quận 3			
Khai và cha mẹ	CHA		ME	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	LÊ VĂN GIOT 1947		DƯƠNG THỊ LẠC PHƯƠNG HỒNG 1955	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	đồng y chăm cứu		Thợ may	
Nơi ĐKNK thường trú	321 Nguyễn Huy Dương quận 10		262 Bà Hạt phường 7 quận 10	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	của khai			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 1 tháng 3 năm 1985

TM/UBND



ký tên đóng dấu

ĐÃ THỰC PHẢI

PHẠM HIỀN

Đăng ký ngày 03 tháng 07 năm 1984

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

chủ tịch
Đỗ Yên Thái
(dã ký)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TP/HT

Xã, phường PO4

Số 130 (130)

Huyện, Quận 10

Quyển 01

Tỉnh, Thành phố HỒ CHÍ MINH



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên LÊ TRẦN THẾ MINH Nam hay nữ NAM

Ngày, tháng, năm sinh Hai tám, tháng sáu, năm một chín tám tám
(28.6.1988)

Nơi sinh nhà hộ sinh Quận 10

Dân tộc KINH Quốc tịch VIỆT NAM

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>ĐƯƠNG T LẠC PHƯƠNG HỒNG</u>	<u>LÊ VĂN GIẾT</u>
Tuổi	<u>1955</u>	<u>1947</u>
Dân tộc	<u>KINH</u>	
Quốc tịch	<u>VIỆT</u>	<u>NAM</u>
Nghề nghiệp	<u>THỢ MAY</u>	<u>ĐỒNG XÍ</u>
Nơi thường trú	<u>321 NGUYỄN HUY DƯƠNG PHƯƠNG 4 Q10</u>	

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

CHA KHAI

Đăng ký ngày 18 tháng 7 năm 1988

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN P5

Người đứng khai

HỒ VĂN TRỌNG



NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 11 năm 1988

T/M UBND

Ký, ghi đóng dấu



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

ĐINH VĂN LÃ

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP/HT

Xã, phường PO4

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 130 (130)

Huyện, Quận TO

Quyền 01

Tỉnh, Thành phố HỒ CHÍ MINH



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên LÊ TRẦN THẾ MINH Nam hay nữ NAM

Ngày, tháng, năm sinh Hai tám, tháng sáu, năm một chín tám tám
(28.6.1988)

Nơi sinh MIA HỘ SINH QUẬN TO

Nơi sinh

Dân tộc KINH Quốc tịch VIỆT NAM

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>ĐƯƠNG T LẠC PHƯƠNG HỒNG</u>	<u>LÊ VĂN GIẾT</u>
Tuổi	<u>1955</u>	<u>1947</u>
Dân tộc	<u>KINH</u>	
Quốc tịch	<u>VIỆT</u>	<u>NAM</u>
Nghề nghiệp	<u>THỢ MAY</u>	<u>ĐỒNG Y SĨ</u>
Nơi thường trú	<u>321 NGUYỄN HUY ĐƯƠNG PHƯƠNG 4 Q10</u>	

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai
CHA KHAI

Đăng ký ngày 18 tháng 7 năm 19 88

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN P4

Người đứng khai

HỒ VĂN TRỌNG



NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 11 năm 1988

T/M UBND PO4

Ký, đóng dấu

ỦY BAN NHÂN DÂN



ĐINH VĂN LÃ

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTC, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại TÂN HIỆP

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 226 GRF

Số HS.LD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 40/QĐ ngày 28 tháng 04 năm 1980

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh LÊ VĂN GIỌT

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 30 tháng 11 năm 1947

Nơi sinh QUA ĐỊNH.

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt

321 Nguyễn duy Dương sài gòn 10.

Cao tại Thiếu úy cảnh sát trưởng cuộc.

Bị bắt ngày 29 tháng 6 năm 1975 tại TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị täng án lần, cộng thành năm

Đã được giảm án lần, cộng thành tháng

Nay ra cư trú tại 321 Đường Nguyễn duy Dương quận 10 thành phố HCM.

Nhận xét qua trình cải tạo

Quản chế tại địa phương 12 tháng không được cư trú trong thành phố

Họ, tên chữ ký
người được cấp giấy

lh

Ngày 6 tháng 8 năm 1980

Giám thị

Lưu tay người trở phải

Cán LÊ VĂN GIỌT

Danh T780

Lập Đoàn 500

LÊ VĂN GIỌT

Trưng tá: ĐÀO LƯƠNG.

Trại **TÂN HIỆP**
Số **226** GRT

Số HSLD

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số **40/QĐ** ngày **28** tháng **04** năm **1980**

của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **LÊ VĂN GIỚI**

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày **30** tháng **11** năm **1947**

Nơi sinh **GIÁ ĐỊNH.**

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt

321 Nguyễn duy Dương xã gò 10.

Cán tội **Thiếu úy cảnh sát trưởng cuộc.**

Bị bắt ngày **29 tháng 8 năm 1975** tại **TTCT**

Theo quyết định, án văn, số ngày tháng năm của

Đã bị täng án lần, cộng thành năm

Đã được giảm án lần, cộng thành tháng

Nay về cư trú tại **321 Đường Nguyễn duy Dương quận 10 thành phố HCM.**

Nhận xét quá trình cải tạo

Quản chế tại địa phương 12 tháng không được cư trú trong thành phố

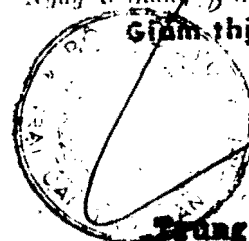
Là tay ngôn trở phải
Của **LÊ VĂN GIỚI**
T780
Danh bit
Đoàn 500
Lập tại

Họ, tên chữ ký
người được cấp giấy

th

Ngày 6 tháng 8 năm 1980

Giám thị



LÊ VĂN GIỚI

Trưng tá: ĐÀO LUOMA.

NAM-PHẦN
(SUD VIỆT NAM)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
(ÉTAT DU VIỆT NAM)

Tỉnh Vĩnh Long
Quận Tam Bình
Xã Tướng Lộc

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT-NAM
(STAT CIVIL VIETNAMIEN)

BỘN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH NĂM 1955
(Extrait du registre des actes de naissance de l'année)

XÃ Tướng Lộc TỈNH Vĩnh Long NAM-PHẦN
(Village) (Province) (Sud Việt Nam)

SỐ HIỆU 222
(Acte No)

(HỒ SƠ CÁN BỘ)



Tên họ đứa con nít (Nom et prénoms de l'enfant)	<u>Dương thị Lạc Phương Hồng</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	<u>NỮ</u>
Sanh ngày nào (Date de naissance)	<u>Ngày hai mươi lăm tháng chín dương lịch</u> <u>năm một ngàn chín trăm năm mươi lăm</u>
Sanh chỗ nào (Lieu de naissance)	<u>Tướng Lộc</u>
Tên, họ cha (Nom et prénoms du père)	<u>Dương Văn Lâm</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<u>Làm ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Tướng Lộc</u>
Tên họ mẹ (Nom et prénoms de la mère)	<u>Nguyễn thị Hương</u>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	<u>Làm ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Tướng Lộc</u>
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	<u>Chánh</u>

Chúng tôi
(Nous)

Quận-Trưởng quận Tam Bình
(Délégué Administratif)

Chúng cho hợp pháp chữ ký tên ngang đây của
(Certifions l'authenticité des signatures apposées ci-contre des)

Ủy Ban Hành-Chánh Xã Tướng Lộc
(Conseillers communaux du village de)

Tam Bình, ngày 8 tháng 6 năm 1969
, là

M. Quận-Trưởng
(Délégué Administratif)

Sao lục như trong bộ
(Pour extrait conforme)

Tướng Lộc, ngày 23 tháng 5 năm 1969
, là

CHỦ TỊCH KIỂM HỘ TỊCH



NGUYỄN VĂN BÀU

Lệ phí
(Cout)

Biên lai số
(Quittance No)

NAM-PHÂN
(SUD VIET NAM)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
(ÉTAT DU VIETNAM)

Tỉnh Vĩnh Long

Quận Tam Bình

Xã Tường Lộc

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT-NAM
(ÉTAT CIVIL VIETNAMIEN)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH NĂM 1955

(Extrait du registre des actes de naissance de l'année)

XÃ Tường Lộc
(Village)

TỈNH Vĩnh Long
(Province)

NAM-PHÂN
(Sud Việt Nam)

SỐ HIỆU 222
(Acte No)

(HỒ SƠ CĂN BỘ)



Tên họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Dương thị Lạc Phương Hồng</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	<u>Nữ</u>
Sanh ngày nào (Date de naissance)	<u>Ngày hai mươi lăm tháng chín dương lịch</u> <u>năm một ngàn chín trăm năm mươi lăm</u>
Sanh chỗ nào (Lieu de naissance)	<u>Tường Lộc</u>
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	<u>Dương văn Em</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<u>Làm ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Tường Lộc</u>
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	<u>Nguyễn thị Hương</u>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	<u>Làm ruộng</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Tường Lộc</u>
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	<u>Chánh</u>

Chúng tôi
(Nous)

Quản-Trưởng quận Tam Bình
(Député Administratif)

Chúng tôi hợp pháp chữ ký lên ngang đây
(Certifions l'authenticité des signatures apposées ci-contre des)

Ủy Ban Hành-Chánh Xã Tường Lộc
(Conseillers communaux du village de)

Tam Bình, ngày 3 tháng 6 năm 1964

T. Quận-Trưởng
(Député Administratif)

Sao lục như trong bộ
(Four extrait conforme)

Tường Lộc, ngày 28 tháng 5 năm 1969
le

CHỦ TỊCH KIỂM HỘ TỊCH



NGUYỄN-VĂN-ĐÀM
Lệ phí
(Cout)

Biên lai số
(Quittance No)

TRÍCH-LỤC ÁN PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ Sa. Thẩm SAIGON

Ngày 14 tháng 5 năm 1965

Số II44/NĐA

Án thế-vi khai-sanh cho
LÊ VĂN GIOT

Toà Sa. Thẩm SAIGON xử về việc
Hộ trong phiên nhóm công khai
ngày 14 tháng 5 năm 1965
gồm có các ông:

Chánh-Án : NGUYỄN VĂN HAO
Biện-Lý : VU THIEN NHU
Lục-Sự : LÊ CHI MAU

đã lên bản án như sau:

BẢN ÁN

TOÀ ÁN:

Chiếu theo đơn của Lê văn Chặt
xin án thế-vi khai-sanh cho con

BỞI CÁC LÊ ẤY:

Chúng nhận

Lê văn Chặt và Đỗ thị Gòn nhìn
Lê văn Giọt là con.

Phán rằng Lê văn Giọt, nam,
sinh ngày 30-II-1947
tại Phước-Hiệp - Hóc-Môn - Gia-Định
con của Lê văn Chặt và
Đỗ thị Gòn.-



Phán rằng án này thế-vi khai-sanh cho trẻ ấy

Đặt giả đoạn phán quyết án này vào sổ khai-sanh đương-niên

Phước-Hiệp (Gia-Định)

và lược biên án này vào lẽ tờ khai-sanh gần như ngày 30-II-1947
giữ lại lưu-trữ công-văn

nơi kê trên

và Phòng Lục-Sự Toà-Án sở tại

Đặt nguyên-dơn chịu hết án phí

Án này làm xong và truyền vào ngày, tháng và năm đã kê trên.

Ký tên: NGUYỄN VĂN HAO LÊ CHI MAU

Trước-hạ tại Phòng Ba (Saigon) ngày 9.7.1957

Quyền Tờ Số

Thầu.

CON NIÊM
20.00

GIÁ TIỀN	
Con niêm	20.00
Bổng lờ	5.00
Biên lục	0.50
Cộng chung	25.50

TRÍCH Y BẢN CHÁNH

SAIGON, ngày 11 tháng BA năm 1966

CHÁNH LỤC-SỰ

NGUYỄN VĂN NAM

TRÍCH-LỤC ÁN PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

Sở-Thẩm SÀI GÒN

Ngày 14 tháng 5 năm 1965

Số II44/NĐA

Án thiế-vi khai-sanh cho
LÊ VĂN GIỌTToà Sở-Thẩm SÀI GÒN xử về việc
Hộ trong phiên nhóm công khai
ngày 14 tháng 5 năm 1965
gồm có các ông:

Chánh-Án : NGUYỄN VĂN HAO
Biện-Lý : VU THIÊN NHU
Lục-Sự : LÊ CHI MAU

đã lên bản án như sau:

BẢN ÁN

TOÀ ÁN:

Chiến theo đơn của Lê văn Chặt
xin án thiế-vi khai-sanh cho con

BỞI CÁC LÊ ẤY:

Chúng nhận

Lê văn Chặt và Đỗ thị Gòn nhìn
Lê văn Giọt là con.

Phán rằng Lê văn Giọt, nam,
sinh ngày 30-II-1947
tại Phước-Hiệp - Hóc-Môn - Gia-Định
con của Lê văn Chặt và
Đỗ thị Gòn.-



Phán rằng án này thiế-vi khai-sanh cho trẻ ấy
Đặt ghi đơn phán quyết án này vào sổ khai-sanh đương-niên

Phước-Hiệp (Gia-Định)

và lược biên án này vào lễ tờ khai-sanh gần như ngày 30-II-1947
giữ lại lưu-trữ công-văn
và Phòng Lục-Sự Toà-Án sở tại
nơi kể trên

Đặt nguyên-đơn chịu hết án phí
Án này làm, xử và tuyên vào ngày, tháng và năm đã kể trên.
Ký tên: NGUYỄN VĂN HAO LÊ CHI MAU

Trước-bạ tại Phòng Ba (Saigon) ngày 9.7.1957

Quyền Tờ Số

Thấu:

TRÍCH Y BẢN CHÍNH

SAIGON, ngày 11 tháng BA năm 1966

CHÍNH LỤC-SỰ

NGUYỄN VĂN NAM

VIỆT NAM CỘNG HÒA

CON NIÊM

20.00

GIÁ TIỀN	
Con niêm	20.00
Bong lộc	5.00
Biên bản	0.50
Cộng chung	25.50

THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 691771 CN

Họ và tên chủ hộ: *Đường Thị Lạc Phương Hồng*

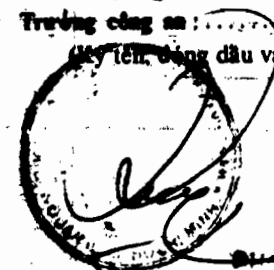
Ấp, ngõ, số nhà: *321*

Thị trấn, đường phố: *Nguyễn Duy Dương*

Xã, phường: *4*

Quận: *10*

Ngày *19* tháng *11* năm *1987*
Trưởng công an: *Q 10*
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3:

NK 3M

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND
1	2	3	4	5	6
01	Dương Thị Lạc Phương	chủ hộ	nữ	1955	
02	Lê Văn Giết	con	nam	1947	092233564
03	Lê Trần Đức 96inh.	con	nam	1984	
04	Lê Trần Thế' Minh	Con	nam	28-6-88	

THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 691771 CN

Họ và tên chủ hộ:

Ấp, ngõ, số nhà:

Thị trấn, đường phố:

Xã, phường:

Quận:

Ngày 19 tháng 11 năm 1987

Trưởng công an

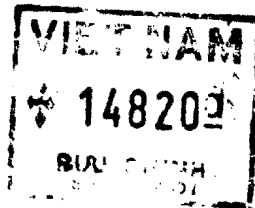
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số NK 3:

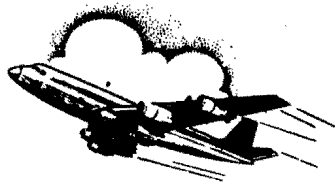
NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

FROM: *Đường Thi Lạc Phường*
321 Nguyễn Duy Dương
H. Q. 10. **PAR AVION** *Ninh*



JUN 28 1989



Jo MINH THO
P.O. Box 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
- U.S.A -

PAR AVION VIA AIR MAIL

Saigon 15.6.89

Anh Hùng thân,

Lần rồi không có thư thăm anh, mong
thứ tới cho.

Anh à! Đưa anh gởi cho cháu Ngọc,
Chị Thảo đã nhận đủ.

Anh Hùng! hức xay anh có nhà ý
gây lỗ chúng tôi. Thấy anh còn đi học
hết dẫu về làng xay nhà ở Ba Hat
trả lại cho chủ, chúng tôi đi nuôi
nhà khai và dốt hơn làm cho cuộc
sống như khốn. Bé Ngọc với Chị Thảo
cũng ít tiền chi.

Hùng vừa sanh thêm 1 cháu hai và
cháu bị suy dinh dưỡng nặng lắm.

Ôi lòng kính mến và chú anh
hơn khác mọi người, vui tươi và hăng
phải. Rất mong từ anh.

Thân,
Hồng

Phước Hồng

Tr. Đường Thái Lan Phước Hồng
321 Nguyễn - Duy - Dương
FH. Q10. TP. Hồ Chí Minh

To. Hồng Quý Nguyễn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: C 22233564

Họ tên LÊ VĂN GIỌT

Sinh ngày 30-11-1947

Nguyên quán Củ Chi,
TP. Hồ Chí Minh

Nơi thường trú 321 Nguyễn Duy-
Dương, F. 4, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc, chấm 2, 1, 2cm sau cánh
mũi trái

Ngày 30 tháng 3 năm 1989

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

The

Lâm Văn Khê

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: C 22233564

Họ tên LÊ VĂN GIỌT

Sinh ngày 30-11-1947

Nguyên quán Củ Chi,
..... TP. Hồ Chí Minh

Nơi thường trú 321 Nguyễn Duy-
Dương, P. 4, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh



Dân tộc:

kinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo, chấm c, 1, 2cm sâu cánh
mũi trái

Ngày 30 tháng 3 năm 1939

KY/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Thơ
Lâm Văn Thơ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020578845

Họ tên DƯƠNG THỊ LẠC PHƯƠNG
HỒNG.

Sinh ngày 25-9-1955

Nguyên quán Tam Bình,
Vĩnh Long, Cửu Long.

Nơi thường trú 15B Lý Chính-
Thắng, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc chấm cách 1,1cm
trên sau đầu máy phải

Ngày 25 tháng 12 năm 1978

KI/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN
PHÓ GIÁM ĐỐC

Chấp hành Diêm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020578845

Họ tên DƯƠNG THỊ LẠC PHƯƠNG
HỒNG.

Sinh ngày 25-9-1955

Nguyên quán Tam Bình,
Vĩnh Long, Cửa Long.

Nơi thường trú 15B Lý Chính-
Thắng, TP. Hồ Chí Minh.



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc chấm cách 1,1cm
trên sau đầu máy phải

Ngày 25 tháng 12 năm 1978

KY/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÓ GIÁM ĐỐC

Whef

Chấp hành Điều

Saigon 12.6.89

Kính thưa bà,

Chúng tôi rất vui mừng và
hưng hăng nhận được hời âm của
bà. Vô chông tôi thành kính từ
ân từ giúp đỡ nông hậu này.

Thưa bà! Chính phủ VN chỉ
cấp phát xuất cảnh cho những
ai ở VN có thời nhân bất lực
và có LQĐ.

Trường hợp gia đình tôi từ
có người ở Mỹ bất lực - cả
nhân hay qua một thời nào đó
như thời đông của tôi Thái gốc,
Catholic v.v.v và bất buộc phải
có LQĐ mới được việc xét cấp
xuất cảnh.

Chúng tôi muốn nhờ bà vui
lòng làm việc theo các thủ
tục để đỡ.

Hai xin gửi bà toàn bộ hồ
sơ theo yêu cầu. Trước đây tôi

có gói cho bà 1 bịch hồ sơ, không
biết có nhận được không? Khi
nào nhận được thư này xin
bà cảm thông cho bớt, vì
có trường hợp Thư bị lạc mất.
Trân trọng chúc bà
luôn khỏe mạnh - vui tươi - và
hạnh phúc. Rất mong tin bà
về kết quả tốt.

Kính chào bà



Lê Văn Giết

Bà Chi Lê Văn Giết

321 Nguyễn - Duy - Đường FH - Q.10 Sg.
Đây là nhà cũ ông Cầu - hiện tại
chúng tôi ở ở nhà Thuê.

* Kính nhờ Bà vui lòng chuyển Thư đến
theo địa chỉ Anh: Hùng Quý Nguyễn
435 Colony Cove Dr San Jose CA 95123.
Xin đa tạ.

Too low

CONTROL

- Card
- Doc. Request; Form
- Release Order
- Computer
- Form "D"
- ODP/Date
- Membership; Letter

08/20/81